

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án Phát triển công nghiệp chế biến nhiên liệu sinh học rắn và các sản phẩm sau dăm tỉnh Bình Định đến năm 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Xét đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 75/TTr-SCT ngày 22/9/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án Phát triển công nghiệp chế biến nhiên liệu sinh học rắn và các sản phẩm sau dăm tỉnh Bình Định đến năm 2025, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. QUAN ĐIỂM:

- Phát triển công nghiệp chế biến nhiên liệu sinh học rắn và các sản phẩm sau dăm phù hợp với nhu cầu thị trường và cân đối thu mua nguồn nguyên liệu; phù hợp với Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quy hoạch phát triển dăm gỗ trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2025; Đề án nâng cao giá trị gia tăng hàng nông lâm thủy sản trong chế biến và giảm tổn thất sau thu hoạch được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt tại Quyết định số 1003/QĐ-BNN-CB ngày 13/5/2014.

- Phát triển công nghiệp chế biến nhiên liệu sinh học rắn và các sản phẩm sau dăm theo hướng ưu tiên sử dụng công nghệ tiên tiến, đầu tư theo chiều sâu, hướng tới đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường, đảm bảo hiệu quả kinh tế và bảo vệ môi trường.

- Phát huy mạnh mẽ nội lực đi đôi với tranh thủ tối đa và sử dụng có hiệu quả nguồn lực bên ngoài, khai thác và sử dụng có hiệu quả tiềm năng và lợi thế về đất đai, lao động nhằm xây dựng vùng nguyên liệu ổn định lâu dài, theo hướng phát triển đa dạng bền vững để chủ động cung cấp cho công nghiệp chế biến nhiên liệu sinh học rắn và các sản phẩm sau dăm với hiệu quả kinh tế cao.

2. MỤC TIÊU:

a) Mục tiêu chung:

- Khai thác và sử dụng có hiệu quả tiềm năng hiện có, tận dụng những lợi thế của từng địa phương để phát triển vùng nguyên liệu theo hướng tập trung, thâm canh, gắn hiệu quả kinh tế với phát triển bền vững, đảm bảo cung cấp đủ nguyên liệu cho nhà máy chế biến gỗ, nguyên liệu (*phế/phụ phẩm từ chế biến gỗ*) cho các nhà máy sản xuất nhiên liệu sinh học rắn và các sản phẩm sau dăm hoạt động ổn định, có hiệu quả.

- Sắp xếp lại ngành công nghiệp chế biến nhiên liệu sinh học rắn và các sản phẩm sau dăm trên cơ sở cân đối nhu cầu thị trường, nguồn nguyên liệu, đa dạng hóa

sản phẩm sau dăm để sử dụng hợp lý, có hiệu quả nguồn nguyên liệu. Định hướng phát triển các sản phẩm sau dăm (các loại ván), phục vụ sản xuất đồ gỗ xuất khẩu và tiêu dùng nội địa, trong đó ưu tiên khuyến khích phát triển sản xuất các sản phẩm ván MDF, ván dăm, ván ép (ván dán), ván ghép thanh chất lượng cao.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Đến năm 2020, sản lượng viên gỗ nén đạt 850.000 tấn (*nhu cầu nguyên liệu khoảng 1,1 triệu tấn, bao gồm gỗ nhỏ, mùn cưa, dăm bào, củ vụn từ chế biến gỗ, cành, nhánh từ khai thác rừng - nguyên liệu trong và ngoài tỉnh*); các sản phẩm sau dăm (ván các loại) 80.000-100.000m³, với nhu cầu nguyên liệu gỗ khoảng 150.000tấn (*gồm nguyên liệu trong và ngoài tỉnh*); kim ngạch xuất khẩu đạt từ 72 đến 75 triệu USD. Khuyến khích các doanh nghiệp chuyển sang sản xuất các mặt hàng gỗ khác phù hợp với nhu cầu thị trường như gỗ ghép thanh, ván các loại ...

- Đến năm 2025, sản lượng viên gỗ nén đạt 1.200.000 tấn (*nhu cầu nguyên liệu khoảng 1,56 triệu tấn - gỗ nhỏ, mùn cưa, dăm bào, củ vụn từ chế biến gỗ, cành, nhánh gỗ từ khai thác rừng*); các sản phẩm sau dăm (ván các loại) từ 220.000 m³ - 250.000 m³, với nhu cầu nguyên liệu gỗ khoảng trên 370.000 tấn (*gồm nguyên liệu trong và ngoài tỉnh*); kim ngạch xuất khẩu đạt từ 145 đến 150 triệu USD.

3. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN:

- Phát triển công nghiệp chế biến nhiên liệu sinh học rắn và các sản phẩm sau dăm phù hợp với nguồn nguyên liệu, nhu cầu thị trường, theo hướng tổ chức sắp xếp chuyển các doanh nghiệp chế biến dăm gỗ sang các sản phẩm chế biến sau dăm, phù hợp với định hướng của nhà nước và của tỉnh, hạn chế và đi đến không xuất khẩu dăm gỗ sau năm 2020, trên cơ sở không gây tác động tiêu cực đến các nhà máy băm dăm hiện tại và vấn đề tiêu thụ gỗ rừng trồng.

- Tăng cường công tác thu hút đầu tư các nhà máy chế biến các sản phẩm sau dăm, như ván dăm, ván MDF, ván ép, ván ghép thanh... nhằm tăng hiệu quả kinh tế từ trồng rừng nguyên liệu.

4. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN THỰC HIỆN:

- Nghiên cứu đa dạng thị trường, tránh phụ thuộc vào một thị trường chính. Xây dựng phương án đầu tư cải tiến, đầu tư chiều sâu nâng cao năng suất máy móc thiết bị, giảm giá thành sản phẩm để doanh nghiệp hoạt động tốt trong những năm tiếp theo.

- Ưu tiên các dự án đầu tư sản xuất các loại ván kết hợp sản xuất viên gỗ nén thông thường nhằm tận dụng phế liệu gỗ (mùn cưa, dăm bào, củ bìa,...) để giảm chi phí, giảm giá thành sản phẩm, tăng sức cạnh tranh.

- Ưu tiên đầu tư dự án sản xuất sản phẩm viên gỗ nén chất lượng cao (từ nguyên liệu gỗ cứng, gỗ lóng) để xuất khẩu sang các thị trường khó tính như Nhật, các nước EU đang có nhu cầu.

- Xây dựng phương án khả thi chuyển đổi sang sản xuất các phẩm sau dăm phù hợp chủ trương của nhà nước để đến sau năm 2020 hạn chế và không xuất khẩu dăm gỗ (khuyến khích đối với các doanh nghiệp chế biến dăm gỗ).

- Khuyến khích các doanh nghiệp xây dựng phương án đầu tư hoặc liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh đầu tư trồng rừng, hợp đồng mua nguyên liệu để chủ động sản xuất, chế biến sản phẩm.

- Xây dựng dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật, mặt bằng sạch ở một số địa điểm phù hợp, đủ diện tích nhằm đáp ứng nhu cầu đầu tư của các dự án.

5. NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ:

a) Nhu cầu vốn đầu tư: Tổng nhu cầu vốn đầu tư để phát triển công nghiệp chế biến nhiên liệu sinh học rắn và các sản phẩm sau dăm trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 là **4.117 tỷ đồng**.

Trong đó:

- Vốn đầu tư của các doanh nghiệp chế biến nhiên liệu sinh học rắn và các sản phẩm sau dăm (kể cả vốn vay): 1.567 tỷ đồng, chiếm 38,1%.

- Vốn đầu tư của các tổ chức, cá nhân trồng rừng và chính sách hỗ trợ trồng rừng: 2.550 tỷ đồng, chiếm 61,9%.

b) Phân kỳ đầu tư:

- Giai đoạn 2016-2020: 2.842 tỷ đồng, chiếm 69%; bình quân 568,4 tỷ đồng/năm.

- Giai đoạn 2021-2025: 1.275 tỷ đồng, chiếm 31%; bình quân 255 tỷ đồng/năm

c) Phân theo nguồn vốn:

- Vốn ngân sách: 255 tỷ đồng, chiếm 6,2% (*Vốn Ngân sách hỗ trợ trồng rừng theo Quyết định số 66/2011/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung Quyết định 147/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách phát triển rừng sản xuất*).

- Vốn vay: 1.097 tỷ đồng, chiếm 26,6%;

- Vốn doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trồng rừng: 2.765 tỷ đồng, chiếm 67,2%.

6. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU:

a) Giải pháp về nguyên liệu:

- *Các nhà máy sản xuất viên gỗ nén:* Cân đối khả năng đáp ứng nguồn nguyên liệu; phối hợp chặt chẽ với các đơn vị có sản phẩm gỗ nhỏ và phế liệu của công nghiệp chế biến gỗ và khai thác rừng để thu mua đảm bảo phục vụ sản xuất; nghiên cứu đầu tư hoặc liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân đầu tư trồng rừng, gắn lợi ích kinh tế của người sản xuất nguyên liệu với hiệu quả hoạt động của các nhà máy sản xuất.

- *Nhà máy sản xuất các sản phẩm sau dăm:* Nghiên cứu đầu tư vùng nguyên liệu; liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trồng rừng để chủ động vùng nguyên liệu, tận dụng phế liệu gỗ từ sản xuất các loại ván để sản xuất viên nén nhằm gia tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- *Đối với các tổ chức, cá nhân trồng rừng:* Xác định cụ thể quỹ đất trên diện tích được giao hoặc có phương án liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp khác hoặc người dân để tạo quỹ đất phát triển vùng nguyên liệu đáp ứng nhu cầu của các nhà máy sản xuất, chế biến. Xác định cơ cấu cây trồng phù hợp, giống mới có năng suất cao, đầu tư thâm canh; đồng thời đảm bảo sản phẩm đầu ra có địa chỉ tiêu thụ cụ thể bằng các hợp đồng kinh tế tiêu thụ nguyên liệu hoặc tham gia góp vốn vào các nhà máy bằng vùng nguyên liệu. Bên cạnh đó, liên kết với các tỉnh lân cận nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có tiềm lực mạnh của tỉnh triển khai trồng nguyên

Trần Văn

liệu tại địa bàn các tỉnh lân cận để bổ sung nhu cầu nguyên liệu cho doanh nghiệp địa phương.

- *Đối với các cấp chính quyền địa phương:* Thực hiện tốt trách nhiệm quản lý nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp; phối hợp với các ngành chức năng liên quan, hỗ trợ và tạo điều kiện cho các chủ rừng trong vùng Đề án thực hiện sản xuất kinh doanh rừng có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu nguyên liệu cho sản xuất, chế biến.

- *Nâng cao chất lượng nguồn nguyên liệu:* Các cơ quan chức năng, các cơ quan chuyên môn hướng dẫn về giống, kỹ thuật, trồng rừng thâm canh, đề xuất giải pháp phát triển rừng; chính quyền địa phương đẩy mạnh vận động, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người trồng rừng về lợi ích từ việc trồng rừng để họ chăm sóc tốt rừng, không khai thác cây non (*không theo quy trình*), nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm viên gỗ nén xuất khẩu và các sản phẩm sau dăm, kết hợp hài hòa được lợi ích người trồng rừng, địa phương và nhà máy sản xuất, chế biến. Bên cạnh đó, cần hỗ trợ và tư vấn các phương pháp, kỹ thuật trong việc cải tạo đất, giống để nâng cao năng suất.

b) Giải pháp về thị trường

- Mở rộng các thị trường Nhật Bản, Trung Quốc, EU,... đồng thời tìm kiếm thị trường mới, nhằm điều phối đơn hàng, giảm dần sự phụ thuộc vào một thị trường. Từng bước mở rộng thị trường trong nước, bao gồm hộ gia đình và dùng trong công nghiệp, thay dần nhiên liệu hóa thạch, nhất là thay thế dần than đá trong các nhà máy nhiệt điện như các nước đã thực hiện, nhằm ổn định sản xuất, tăng sức cạnh tranh, mang lại hiệu quả cho cơ sở sản xuất và người trồng rừng.

- Phát huy vai trò của hiệp hội, nhất là Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Bình Định nâng cao năng lực dự báo nhu cầu thị trường, cập nhật và cung cấp thông tin thị trường thế giới trên các mặt giá cả, cân đối cung cầu, chất lượng sản phẩm và những yêu cầu mới của thị trường nhập khẩu, đặc biệt là các thị trường khó tính như Nhật Bản, EU. Tăng cường sự đoàn kết, hỗ trợ, trao đổi kinh nghiệm giữa các doanh nghiệp cùng ngành hàng để tăng hiệu quả hoạt động và tránh bị khách hàng ép cấp, ép giá.

- Nâng cao trình độ hiểu biết về luật pháp quốc tế để chủ động đối phó và đấu tranh với những tranh chấp và rào cản thương mại do chính sách bảo hộ của các nước nhập khẩu áp đặt. Tranh thủ sự hỗ trợ của các tham tán thương mại tại nước ngoài và tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm đối với các thị trường tiềm năng, thị trường mới để đẩy mạnh tiêu thụ viên gỗ nén và các sản phẩm sau dăm.

c) Giải pháp về vốn:

- Vốn đầu tư sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sản xuất viên gỗ nén và các sản phẩm sau dăm chủ yếu là vốn của doanh nghiệp. Tuy nhiên, hầu hết là doanh nghiệp vừa và nhỏ, vốn chủ sở hữu ít; do vậy doanh nghiệp cần tính toán vay vốn phù hợp và huy động các nguồn vốn khác theo nhu cầu sản xuất kinh doanh từng giai đoạn của đơn vị nhằm mang lại hiệu quả cao.

- Vốn đầu tư của các tổ chức, cá nhân trồng rừng và vốn thụ hưởng theo các chính sách hỗ trợ phát triển rừng sản xuất.

d) Giải pháp về khoa học - công nghệ:

- Hiện giá thành sản xuất viên gỗ nén đã tiệm cận, thậm chí ngang với giá bán sản phẩm, do đó để sản xuất kinh doanh có hiệu quả các doanh nghiệp cần quan tâm

Trần Văn Bình
4

nghiên cứu cải tiến máy móc, dây chuyền thiết bị, hợp lý hóa sản xuất để giảm chi phí sản xuất, giảm chi phí quản lý; trước mắt là giảm tiêu hao năng lượng, nguyên vật liệu, sử dụng ít lao động và đa dạng hóa sản phẩm. Nghiên cứu máy móc thiết bị trong nước đã sản xuất được, đảm bảo năng suất, chất lượng thay thế máy móc nhập khẩu giá cao.

- Đối với các dự án viên gỗ nén đang triển khai đầu tư xây dựng, các dự án đầu tư sản xuất các sản phẩm sau dăm cần lựa chọn phương án công nghệ, dây chuyền thiết bị đồng bộ, hiện đại phù hợp với công suất đi đôi với việc tiết kiệm năng lượng, sản xuất sản phẩm đạt yêu cầu chất lượng, giá thành giảm, ít gây ô nhiễm môi trường, nhất là sản phẩm viên gỗ nén xuất sang thị trường Nhật Bản và xuất sang các nước châu Âu.

đ) Về phát triển nguồn điện:

Phát triển nguồn và lưới điện đáp ứng nhu cầu tiêu thụ điện của các doanh nghiệp sản xuất viên gỗ nén và các sản phẩm sau dăm. Ngành công nghiệp này tiêu thụ điện khá lớn, năm 2015 tiêu thụ khoảng 18 triệu KWh, tăng lên 27 triệu KWh năm 2016, dự báo đến năm 2020 tiêu thụ khoảng 110 triệu KWh và năm 2025 lên 190 triệu KWh, bình quân giai đoạn 2016 - 2020 tăng là 18,3 triệu KWh/năm, giai đoạn 2021-2025 tăng 16,2 triệu KWh/năm.

e) Giải pháp về cơ chế chính sách

Trong những năm tới ngành công nghiệp này tiếp tục được hưởng các chính sách của một số ngành có liên quan như chế biến gỗ, chính sách hỗ trợ trồng rừng; doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu; hỗ trợ đào tạo lao động,... theo quy định.

Điều 2. Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung như đã nêu trong Đề án; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện cho UBND tỉnh để theo dõi chỉ đạo.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.!

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT Phan Cao Thắng;
- PVP CN;
- Lưu: VT, K6. *Jul*

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Cao Thắng